

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2024/ HS-PT

Ngày: 19/7/2024

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Trần Minh Long**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 102/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T do có kháng cáo của Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị hại ông Phạm D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Những người có kháng cáo:

1/ Bị cáo: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1977, tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú: tổ 10, phường Hòa Hiệp B, quận C, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: tổ 42, phường Hòa Hiệp N, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị T (đều còn sống); có vợ là Trần Thị Thu H và 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: Bà **Trần Thị Thu H** (vợ bị cáo), sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 42, phường Hòa Hiệp B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: Ông **Trần Văn Đ** – Luật sư công ty Luật TNHH Đ&C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

2/ Người bị hại: Ông **Phạm D**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn Quan N 1, xã Hòa L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng có bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Tổ 09, Thôn Quan N 1, xã Hòa L, huyện V, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền số 1303, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/7/2024*). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h15 phút ngày 30/10/2022, Nguyễn Ngọc T chở cha ruột là ông Nguyễn Ngọc A đến khu vực nghĩa trang thôn Quan N 3, xã Hòa L, huyện V, thành phố Đà Nẵng để tìm người xả cây bạch đàn xuống khu vực phần mộ của gia đình T. Khi T và ông A đến nơi thì thấy có ông Phạm D đi cùng ông Đào Văn H đang cầm rựa đi lên khu vực này. Lúc này, T có hỏi là “Hai anh đi mô” thì ông D trả lời “Đi củi”, ông A có hỏi tiếp là “Củi mô trên ni mà đi”. Lúc này, T có hỏi hai người này “ông nào tên M” thì ông D trả lời “Tôi M đây”. T tiếp tục hỏi “Bây giờ ông khai thác đây, ông xả cây lai lán ri ông có dọn lại hay không” thì ông D trả lời “Tôi không dọn”. T tiếp tục nói “Vì lý do chi ông không dọn, ông xả trên nghĩa trang, trên mã họ ri mà rằng không dọn”. Lúc này, ông A và ông D đứng gần nhau và T thấy ông D cầm rựa bằng tay phải giơ lên nên T nghĩ ông D định đánh ông A thì T dùng tay trái hất mạnh vào tay phải của ông D làm cho cái rựa này văng ra khỏi tay ông D và rớt xuống đất cách khoảng 03 mét. Tiếp tục T đưa chân phải lên đạp vào người ông D một cái trúng vào bụng của ông D làm cho ông D té ngã xuống đất. Khi thấy ông D té ngã xuống đất theo hướng nằm ngửa thì T đến bên ông D đứng tư thế hai chân dang qua người ông D, dùng hai tay bóp cổ ông D và nói rằng “Chừ ông có dọn hay không”. Ông D trả lời “Ta không dọn, điện con trai ta lên giải quyết” thì T bực tức dùng tay phải nhặt một cục đá gần đó đánh liên tiếp 02 (hai) cái theo chiều hướng từ trên xuống dưới trúng vào đầu của ông D gây chảy máu, sau đó dừng lại rồi nhìn quay lại phía sau thì thấy ông Đào Văn H đứng nhìn nên T có hỏi ông H “Bây chừ ông có dọn không” thì ông H trả lời “Không”, T bực tức

nên có dùng chân phải đá thẳng một cái vào người của ông H và tiếp tục dùng tay phải tát một cái vào mặt của ông H làm cho ông H té ngã xuống đất. Sau đó T đi lại cầm rựa của ông D rồi chở ông A đi về nhà. Đến ngày 31/10/2022, Cơ quan Công an huyện V, thành phố Đà Nẵng mời T lên làm việc thì Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Tại Bản kết luận giám định thương tích số: 310 ngày 30/11/2022 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của ông Phạm D là 18% (*Mười tám phần trăm*).

Với nội dung trên: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội dA: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T: 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Các cứ vào các điều 584, 585, 590 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho bị hại ông Phạm D tổng số tiền là: 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), gồm các khoản sau:

Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, sức khỏe bị giảm sút của bị hại: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Thu nhập thực tế bị mất của bị hại khi nằm viện: 10 ngày x 500.000đ/ngày = 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Thu nhập thực tế cho người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: 10 ngày x 300.000đ/ngày = 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)

- Tiền bồi dưỡng tổn thất tinh thần cho bị hại: 15 tháng x 1.800.000đ/tháng = 27.000.000 (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/3/2024 và ngày 02/4/2024 người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, về trách nhiệm dân sự xin giảm nhẹ mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 28/3/2014 bị hại ông Phạm D có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý về tội dA “*Cố ý gây thương tích*” mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về tội dA đối với bị cáo T mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, về trách nhiệm dân sự tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét về điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bức xúc do ông Phạm D khai thác bạch đàn xả rác trên nghĩa trang của gia tộc nhưng không chịu dọn dẹp mà còn có hành vi dùng rựa đòi đánh cha ruột của mình, nên đã có hành vi đánh ông D dẫn đến vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu, bị cáo đã ăn năn hối cải, do vậy, cho bị cáo cơ hội được cải tạo tại địa phương để làm ăn lo cho gia đình. Về phần trách nhiệm dân sự, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin giảm mức bồi thường về thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo bồi thường.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại, cũng giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Cố ý gây thương tích*” là không đúng với hành vi do bị cáo gây ra cho bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo là “*Giết người*” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tăng mức tiền bồi thường về tổn thất tinh thần cho bị hại thêm 05 (năm) tháng lương cơ sở mới đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của bị cáo gây ra cho bị hại.

Đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bị hại trong hạn luật định nên đảm bảo và hợp lệ theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thừa nhận có hành vi sử dụng 01 (một) cục đá đánh 02 (hai) cái trúng vào vùng đầu của ông D gây thương tích 18%, mặc dù, vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể con người, nhưng về ý thức chủ quan bị cáo không cố ý tước đoạt tính mạng của ông D, nên khi thấy ông D bị chảy máu, bị cáo đã dừng lại không tấn công nữa, điều đó thể hiện về cường độ tấn công không quyết liệt nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại Điều 134 BLHS. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, về nội dung kháng cáo của bị hại xem xét lại tội danh là không có căn cứ.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm, khi quyết định hình phạt đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng, trên cơ sở đó xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố là phù hợp. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ để xem xét.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Khi quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, do bên bị hại cung cấp, căn cứ vào các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) là phù hợp, nên việc bị hại kháng cáo tăng tiền bồi thường và đại diện hợp pháp bị cáo kháng cáo xét giảm nhẹ mức bồi thường đề nghị HĐXX xem xét.

Với những lập luận trên, đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điểm khoản và điều luật, truy tố, xét xử đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T theo quyết định của Bản án sơ thẩm, nên không có tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, luật sư cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết bởi lẽ: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 BLHS, mặt khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, hạn chế điều khiển hành vi, là người khuyết tật nặng, người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS như hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo. Với các lập luận trên, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 BLHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, để gia đình có điều kiện chăm sóc chữa bệnh cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Luật sư Đề nghị HĐXX xem xét điều kiện, về hoàn cảnh gia đình của bị cáo thuộc diện khó khăn, để cân nhắc giảm mức bồi thường cho bị hại so với quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận: Về tỷ lệ tổn thương cơ thể với thương tích 18% của bị hại Phạm D và thương tích 03% của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn H là do chính bị cáo gây ra vào trưa ngày 30/10/2022 tại khu nghĩa trang (*tộc họ*) của gia đình bị cáo ở thôn Quan N 3, xã Hòa L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Về nguyên nhân xảy ra vụ việc là do ông Phạm D (*bị hại*) khai thác cây bạch đàn, sau đó xả cây lung tung đè lên phần mộ (*trong nghĩa trang*) gia tộc của bị cáo, nhưng không chịu dọn mà còn có hành vi dùng rựa đe dọa đánh cha của bị cáo (*ông Nguyễn Ngọc A*), vì vậy, do bị bức xúc, không làm chủ về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên bị cáo có dùng chân đạp vào người ông D té ngã xuống đất, sau đó có dùng tay bóp cổ ông D, dùng cục đá (nhặt tại hiện trường) đánh ông D 02 (*hai*) cái trúng vào vùng đầu, gây chảy máu, rồi tiếp sau đó có dùng tay tát 01 (*một*) cái trúng vào vùng mặt ông H (*người làm công khai thác bạch đàn cho ông D*) ngã xuống đất, thì bị cáo dừng lại lấy cái rựa của ông D, chở ông A (*cha bị cáo*) đi về nhà.

[1.1] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa cấp phúc thẩm, đối chiếu lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác như sơ đồ bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản giám định pháp y về thương tích số 290/2022/TgT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bản giám định pháp y về thương tích số 310/2022/TgT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Trung tâm Pháp y thành phố Đà Nẵng thể hiện tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù, bị cáo T (*dùng cục đá*) hung khí có tính sát thương cao đánh liên tiếp 02 (*hai*) cái trúng vào vị trí vùng đầu (*là vùng trọng yếu trên cơ thể ông D*), tuy nhiên, xét về về lực tấn công và cường độ tấn công không quyết liệt, không thể hiện tính côn đồ hung hãn, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ mang tính bộc phát tức thời, xuất phát từ nguyên nhân bị bức xúc bởi bị hại (*ông D*) cũng có một phần lỗi (*Khai thác cây bạch đàn xả rác lên khu mộ tộc của gia đình bị cáo, nhưng không chịu dọn mà còn có hành vi cầm rựa mang theo đe dọa đòi đánh ông A cha ruột bị cáo*), vì vậy, khi thấy đầu của ông D (*bị hại*) bị chảy máu, bị cáo liền dừng lại không đánh nữa, tự ý chấm dứt hành vi mà không vì bất kỳ một nguyên nhân nào khác, điều đó cho thấy về mặt khách quan bị cáo không cố ý thực hiện hành vi tước bỏ quyền sống của ông D (*bị hại*), mà chỉ cố ý thực hiện hành vi dùng cục đá tác động vào người ông D (*bị hại*) nên chỉ gây ra hậu quả ông D bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ thương tích 18%. Như vậy, hành vi này của bị cáo là đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ*

sung năm 2017). Do đó, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T tại Bản án số: 31/2024/HS-ST ngày 18/3/2024 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và kháng cáo của người bị hại HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị cáo và đề nghị của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện, làm ăn, chữa bệnh, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt cũng đã xem xét đánh giá đúng về tính chất vụ án, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố, đồng thời buộc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để răn đe, cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là phù hợp và cần thiết. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo, nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới, mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T có thái độ không thật sự ăn năn hối cải, không có thiện chí về việc bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật mà bị cáo gây ra cho bị hại, gây bức xúc về tâm lý của người đại diện theo ủy quyền của bị hại tại phiên tòa, vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2] Về kháng cáo xem xét lại tội danh của bị hại Phạm D và yêu cầu của đại diện theo ủy quyền cho bị hại tại phiên tòa phúc thẩm: HĐXX nhận thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T như đã nêu và được phân tích đánh giá một cách khách quan toàn diện về diễn biến của hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi trái pháp luật của bị cáo T gây ra cho bị hại D đã được nêu tại các tiểu mục [1] và [1.1] ở phần nhận định trên, vì vậy, việc người đại diện theo ủy quyền cho rằng, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T dùng tay bóp cổ, dùng cục đá đánh vào vùng đầu (*là vùng trọng yếu*) gây nguy hiểm đến tính mạng, bị tổn thương chấn động não là hành vi “*Giết người*” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là không căn cứ, Do đó, HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại ông Phạm D, cũng như đề nghị của đại diện theo ủy quyền cho bị hại tại phiên tòa.

[2.3] Về kháng cáo phần trách nhiệm dân sự của đại diện hợp pháp cho bị cáo và yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX nhận thấy: Theo quy định tại các Điều 584, 585 và Điều 590 của BLDS năm 2015 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường (*Điều 584*), về nguyên tắc bồi thường thiệt hại (*Điều 585*), về xác định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (*Điều 590*), đối chiếu với những quy định tại các điều luật nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định về mức bồi thường thiệt hại đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, do bên bị hại cung cấp, trên cơ sở đó buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho bị hại ông Phạm D tổng số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) gồm các khoản chi phí hợp lý như đã nêu tại mục [II] phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, trong đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc mức bồi thường về tổn thất tinh thần cho bị hại ông Phạm D 15 (*mười lăm*) tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp với hoàn cảnh gia đình và điều kiện về khả năng về kinh tế của bị cáo, cũng như về mức độ tổn thất tinh thần mà bị hại D gánh chịu. Vì lẽ trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo về việc giảm mức tiền bồi thường về thiệt hại về phần trách nhiệm dân sự của đại diện hợp pháp cho bị cáo và kháng cáo tăng mức bồi thường thêm 05 (năm) tháng lương cơ sở đối với khoản tổn thất về tinh thần của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và kháng cáo của bị hại Phạm D; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Đà Nẵng về hình phạt và phần trách nhiệm dân sự của ông Phạm D.

II. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, p, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T: 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

III. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 590 của BLDS năm 2015.

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho ông Phạm D tổng số tiền là: **45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng)**, gồm các khoản sau:

3.1.1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, sức khỏe bị giảm sút của bị hại: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

3.1.2. Thu nhập thực tế bị mất của bị hại khi nằm viện: 10 ngày x 500.000đ/ngày = **5.000.000đ (Năm triệu đồng)**.

3.1.3. Thu nhập thực tế cho người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: 10 ngày x 300.000đ/ngày = **3.000.000đ (Ba triệu đồng)**

3.1.4. Tiền bồi dưỡng tổn thất tinh thần cho bị hại: 15 tháng x 1.800.000đ/tháng = **27.000.000 (Hai mươi bảy triệu đồng)**

Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc T đã nộp bồi thường số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành phố Đà Nẵng (*BL thu tiền số 0000146 ngày 09/8/2024*). Số tiền còn lại buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải tiếp tục bồi thường là: **41.500.000đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng)**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm và (*bị hại*) ông Phạm D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

V. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

VI. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện V;
- VKSND huyện V;
- CQCSĐT Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyển

